Số/*No*: 2015/2024/CV-SSIHO
V/v: Công bố thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành tại ngày 21/11/2024
Ref: Disclosing the change in the number of outstanding voting shares at November 21st, 2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024
Ho Chi Minh City, November 22nd, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/*To*:
- **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange***
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange***

Công ty:	**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**
Organization name	***SSI SECURITIES CORPORATION***
Mã chứng khoán:	SSI
Ticker	*SSI*
Địa chỉ trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Address	72 Nguyen Hue, Ben Nghe Ward, District 1, HCMC
Điện thoại/*Telephone*:	028-38242897
Fax:	028-38242997
Người thực hiện công bố thông tin:	Nguyễn Kim Long
Spokesman	*Nguyen Kim Long*
Chức vụ:	Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Position	*Director, Legal and Compliance*

Loại thông tin công bố ☒ 24 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ

Information disclosure type ☒ *24 hours* ☐ *irregular* ☐ *on demand* ☐ *periodic*

Nội dung thông tin công bố/ *Content of information disclosure*:

STT	Nội dung	Trước khi thay đổi (*)	Thay đổi	Sau khi thay đổi	Lý do thay đổi
No.	*Content*	*Previous*	*Change*	*After*	*Reason*
01	Vốn điều lệ (VNĐ) *Charter Capital (VND)*	18.129.500.510.000	1.509.138.670.000	19.638.639.180.000	Hoàn thành chào bán 150.913.867 cổ phiếu theo Phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua (Ngày kết thúc đợt chào bán: 21/11/2024) *Successfully completed the offering of 150,913,867 shares according to the Plan on additional shares offering for existing shareholders with subscription rights (Ending date of the offering: November 21st, 2024)*
02	Tổng số cổ phiếu *Total number of shares*	1.812.950.051	Tăng/*Increase* 150.913.867	1.963.863.918	
03	Số lượng cổ phiếu quỹ *Treasury Stock*	1.991.468	Không/ *No*	1.991.468	
04	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành *Total number of outstanding voting shares*	1.810.958.583	Tăng/*Increase* 150.913.867	1.961.872.450	
05	Số lượng cổ phiếu ưu đãi khác (nếu có) *Number of preferred shares (if any)*	-	-	-	

(*) Số liệu theo văn bản số 1551/2024/CV-SSIHO ngày 02/10/2024 về công bố thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành.

(*) Data is based on the Official Letter No. 1551/2024/CV-SSIHO dated October 2nd, 2024 on disclosing the change in the number of outstanding voting shares

Thông tin trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/11/2024 tại đường dẫn www.ssi.com.vn.
This information was posted on SSI website on November 22nd, 2024 at this link www.ssi.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được uỷ quyền công bố thông tin
Party authorized to disclose information

S.G.P: 03 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật và Kiểm soát tuân thủ
Director, Legal and Compliance

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI ---o0o---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: 2006/2024/CV-SSIHO	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2024*

BÁO CÁO
KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 122/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/8/2024)
"Giấy chứng nhận số 122/GCN-UBCK"

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

A. ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI**
2. Tên viết tắt: SSI
3. Địa chỉ trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 028-38242897 Fax: 028-38242997 Website: www.ssi.com.vn
5. Vốn điều lệ: 18.129.500.510.000 đồng
6. Mã cổ phiếu: **SSI**
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

   Số hiệu tài khoản: 11910000380195
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301955155 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 05/04/2000, cấp thay đổi lần thứ 32 ngày 18/11/2024
9. Giấy phép hoạt động kinh doanh số 03/GPHĐKD ngày 05/4/2000 do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp được sửa đổi, bổ sung mới nhất bởi Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 31/10/2024

II. Phương án chào bán

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng cổ phiếu chào bán:

   3.1. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán (Theo Giấy chứng nhận số 122/GCN-UBCK): **151.113.013** cổ phiếu, trong đó:

   - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành đăng ký chào bán: **151.113.013** cổ phiếu
   - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên đăng ký chào bán: 0 cổ phiếu

   3.2. Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền (24/9/2024): **1.991.468** cổ phiếu, tương đương tỷ lệ thực hiện quyền 100:10 là **199.146** cổ phiếu

   3.3. Số lượng cổ phiếu thực tế chào bán tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền (24/9/2024): **150.913.867** cổ phiếu, trong đó:

   - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành thực tế chào bán: 150.913.867 cổ phiếu;

- Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên thực tế chào bán: 0 cổ phiếu.

4. Giá chào bán: **15.000 đồng/cổ phiếu.**

5. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến:

5.1. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến trên số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: **2.266.695.195.000** đồng, trong đó:

- Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 2.266.695.195.000 đồng;
- Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.

5.2. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến trên số lượng cổ phiếu thực tế phát hành: **2.263.708.005.000** đồng, trong đó:

- Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 2.263.708.005.000 đồng;
- Giá trị vốn huy động của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 đồng.

6. Phương thức phân phối: thông qua thực hiện quyền mua của cổ đông có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông (24/9/2024)

7. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền:

7.1. Thời gian thực hiện chuyển nhượng quyền mua: **Từ ngày 07/10/2024 đến ngày 24/10/2024**

7.2. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền:

- Đối với cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua cổ phiếu: **Từ ngày 07/10/2024 đến ngày 04/11/2024**
- Đối với cổ đông được phân phối tiếp số lượng cổ phiếu chưa được đăng ký mua từ đợt chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu: **Từ ngày 15/11/2024 đến 12:00 ngày 21/11/2024**

8. Ngày kết thúc đợt chào bán: **21/11/2024**

9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến trong tháng 01/2025 (sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh)

III. Kết quả chào bán cổ phiếu

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đồng/ cổ phiếu)	Số cổ phiếu thực tế chào bán	Số cổ phiếu được đăng ký mua	Số cổ phiếu được phân phối	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phối	Số nhà đầu tư không được phân phối	Số cổ phiếu còn lại	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối (**)
1	2	3	4	5	6	7	8=(6-7)	9=(3-5)	10
1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng (Đợt 1)	15.000	150.913.867	145.578.860	145.578.860	45.466	45.466	0	5.335.007	96,46%
2. Xử lý cổ phiếu không phân phối hết (Đợt 2)	15.000	5.335.007	5.335.007	5.335.007	8	8 (*)	0	0	3,54%
Tổng số		**150.913.867**	**150.913.867**	**150.913.867**	**45.467**	**45.467**	**0**	**0**	**100%**

Đối tượng mua cổ phiếu	Giá chào bán (đồng/ cổ phiếu)	Số cổ phiếu thực tế chào bán	Số cổ phiếu được đăng ký mua	Số cổ phiếu được phân phối	Số nhà đầu tư đăng ký mua	Số nhà đầu tư được phân phối	Số nhà đầu tư không được phân phối	Số cổ phiếu còn lại	Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối (**)
1	2	3	4	5	6	7	8=(6-7)	9=(3-5)	10
1. Nhà đầu tư trong nước		89.255.585	89.255.585	89.255.585	43.995	43.995	0	0	59,14%
2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ		61.658.282	61.658.282	61.658.282	1.472	1.472	0	0	40,86%
Tổng số		**150.913.867**	**150.913.867**	**150.913.867**	**45.467**	**45.467**	**0**	**0**	**100%**

(*) Trong 08 nhà đầu tư này có 07 nhà đầu tư đã được phân phối cổ phiếu tại Đợt 1 (thuộc 45.466 cổ đông đã được phân phối) từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và 01 nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu tại Đợt 2 (nhà đầu tư này đã chuyển nhượng 100% quyền mua cổ phiếu tại Đợt 1).

(**) Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối (cột 10) = (cột 5)/150.913.867 cổ phiếu (số lượng cổ phiếu thực tế chào bán)

- Trường hợp có bảo lãnh phát hành, nếu kết quả phân phối cổ phiếu cho tổ chức bảo lãnh phát hành theo cam kết tại hợp đồng (số lượng, giá, trường hợp có tổ hợp bảo lãnh thì nêu từng tổ chức): Không có
- Trường hợp phân phối số cổ phiếu còn lại cho một hoặc một số nhà đầu tư xác định *(chi tiết theo Phụ lục đính kèm):*
  - Số cổ phiếu, tỷ lệ chào bán cho từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này và trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất;
  - Tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ sau đợt chào bán.

IV. Tổng hợp kết quả đợt chào bán cổ phiếu

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: **150.913.867** cổ phiếu, tương ứng 100% tổng số cổ phiếu thực tế chào bán, trong đó:
   - Số lượng cổ phiếu của Tổ chức phát hành: 150.913.867 cổ phiếu;
   - Số lượng cổ phiếu của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên: 0 cổ phiếu.
2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: **2.263.708.005.000** đồng, trong đó:
   - Tổng số tiền của Tổ chức phát hành: 2.263.708.005.000 đồng;
   - Tổng số tiền của cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 đồng.
3. Tổng chi phí: 106.966.634 đồng.
   - Phí bảo lãnh phát hành (nếu có): 0 đồng
   - Phí phân phối cổ phiếu (nếu có): 0 đồng

- Phí kiểm toán (dự kiến): 30.780.000 đồng
- Phí cấp phép chào bán cổ phiếu ra công chúng: 25.000.000 đồng
- Phí chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán: 14.000.000 đồng
- Phí chuyển tiền từ VSDC sang tài khoản phong tỏa: 1.100.000 đồng
- Chi phí khác: 36.086.634 đồng

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: **2.263.601.038.366 đồng**

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

1. Cơ cấu vốn

Tổng số cổ phiếu sau đợt chào bán: **1.963.863.918** cổ phiếu, trong đó:

- *Số lượng cổ phiếu trước đợt chào bán: 1.812.950.051 cổ phiếu*
- *Số lượng cổ phiếu chào bán theo phương thức thực hiện quyền mua: 150.913.867 cổ phiếu*

TT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	**Cổ đông trong nước, nước ngoài**				
1	**Trong nước**	**75.968**	**1.131.536.077**	**11.315.360.770.000**	**57,62%**
1.1	Nhà nước	0	0	0	0,00%
1.2	Tổ chức	170	344.505.332	3.445.053.320.000	17,54%
1.3	Cá nhân	75.798	785.039.277	7.850.392.770.000	39,98%
1.4	Cổ phiếu quỹ (*)	0	1.991.468	19.914.680.000	0,10%
2	**Nước ngoài**	**3.677**	**832.327.841**	**8.323.278.410.000**	**42,38%**
2.1	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	171	801.971.863	8.019.718.630.000	40,83%
2.2	Cá nhân	3.506	30.355.978	303.559.780.000	1,55%
	Tổng cộng I = 1 + 2	**79.645**	**1.963.863.918**	**19.638.639.180.000**	**100%**
II	**Cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông khác**				
1	Cổ đông sáng lập	0	0	0	0
2	Cổ đông lớn	2	465.368.255	4.653.682.550.000	23,70%
3	Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	79.643	1.498.495.663	14.984.956.630.000	76,30%
	Tổng cộng II = 1 + 2 + 3	**79.645**	**1.963.863.918**	**19.638.639.180.000**	**100%**

(*) Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền (24/9/2024): 1.991.468 cổ phiếu

2. **Danh sách và tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn**

TT	Tên cổ đông	Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	DAIWA SECURITIES GROUP INC.	CS6098	301.259.263	15,34%
2	Công ty TNHH Đầu tư NDH	0104285751	164.108.992	8,36%
	Tổng cộng		**465.368.255**	**23,70%**

(*) Tỷ lệ sở hữu tính trên tổng số lượng cổ phiếu của Công ty sau chào bán: 1.963.863.918 cổ phiếu

VI. Tài liệu gửi kèm

1. Văn bản xác nhận của Ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán ngày 21/11/2024;
2. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐQT ngày 15/11/2024 của Hội đồng quản trị SSI thông qua kết quả thực hiện quyền mua và tiếp tục phân phối số lượng cổ phiếu chưa được đăng ký mua;
3. Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐQT ngày 21/11/2024 của Hội đồng quản trị SSI thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
4. Tài liệu khác (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT

S.G.P: 03 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN DUY HƯNG

PHỤ LỤC

(Đính kèm Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng

số 2006/2024/CV-SSIHO ngày 21/11/2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI)

Danh sách nhà đầu tư được phân phối số cổ phiếu còn lại và người có liên quan như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ tại SSI/ Mối quan hệ với Nhà đầu tư được phân phối lại	Các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất (bao gồm số cổ phiếu trong đợt chào bán này)		Đợt chào bán này			Sau đợt chào bán	
			Số lượng cổ phiếu được chào bán	Tỷ lệ cổ phiếu trên vốn điều lệ (tương đương 1.812.950.051 cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu được chào bán tại Đợt 1	Số lượng cổ phiếu được chào bán tại Đợt 2	Tỷ lệ cổ phiếu trên vốn điều lệ (tương đương 1.812.950.051 cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 1.963.863.918 cổ phiếu)
I. Nhà đầu tư được phân phối lại									
1.	Nguyễn Đức Thông	Phó Tổng Giám đốc	840.000	0,05%	80.000	300.000	0,02%	1.340.000	0,07%
2.	Nguyễn Vũ Thùy Hương	Giám đốc Khối cao cấp Phụ trách Khối Đầu tư và Khối Nguồn vốn & Kinh doanh tài chính	3.149.321	0,17%	407.440	1.000.000	0,08%	6.296.726	0,32%
3.	Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	2.205.006	0,12%	185.002	1.000.000	0,07%	3.405.027	0,17%

STT	Họ tên	Chức vụ tại SSI/ Mối quan hệ với Nhà đầu tư được phân phối lại	Các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất (bao gồm số cổ phiếu trong đợt chào bán này)		Đợt chào bán này			Sau đợt chào bán	
			Số lượng cổ phiếu được chào bán	Tỷ lệ cổ phiếu trên vốn điều lệ (tương đương 1.812.950.051 cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu được chào bán tại Đợt 1	Số lượng cổ phiếu được chào bán tại Đợt 2	Tỷ lệ cổ phiếu trên vốn điều lệ (tương đương 1.812.950.051 cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 1.963.863.918 cổ phiếu)
4.	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	1.205.007	0,07%	0	300.000	0,02%	3.930.043	0,20%
5.	Lê Thị Lệ Hằng	Giám đốc Chiến lược	1.563.652	0,09%	121.217	850.000	0,05%	2.425.830	0,12%
6.	Bùi Thế Tân	Giám đốc Khối Bán lẻ	1.117.500	0,06%	82.500	850.000	0,05%	1.922.500	0,10%
7.	Thomas Nguyen	Giám đốc Thị trường nước ngoài	395.000	0,02%	15.000	200.000	0,01%	395.000	0,02%
8.	Mai Hoàng Khánh Minh	Giám đốc Khối Dịch vụ chứng khoán Khách hàng tổ chức	993.007	0,05%	26.000	835.007	0,05%	1.173.007	0,06%
Tổng I			**11.468.493**	**0,63%**	**917.159**	**5.335.007**	**0,34%**	**20.888.133**	**1,06%**
II. Người có liên quan của Nhà đầu tư được phân phối lại									
1.	Vũ Thị Hiền	Mẹ ruột của STT I.2	102.480	0,01%	34.160	0	0,00%	444.080	0,02%
2.	Phạm Hải Long	Chồng của STT I.2	900	0,00%	300	0	0,00%	3.900	0,00%

STT	Họ tên	Chức vụ tại SSI/ Mối quan hệ với Nhà đầu tư được phân phối lại	Các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất (bao gồm số cổ phiếu trong đợt chào bán này)		Đợt chào bán này			Sau đợt chào bán	
			Số lượng cổ phiếu được chào bán	Tỷ lệ cổ phiếu trên vốn điều lệ (tương đương 1.812.950.051 cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu được chào bán tại Đợt 1	Số lượng cổ phiếu được chào bán tại Đợt 2	Tỷ lệ cổ phiếu trên vốn điều lệ (tương đương 1.812.950.051 cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu tính trên vốn điều lệ sau đợt chào bán (tương đương 1.963.863.918 cổ phiếu)
3.	Trần Thị Ngọc Trâm	Mẹ ruột của STT I.3	784.513	0,04%	261.504	0	0,01%	3.399.561	0,17%
4.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Chị gái của STT I.3	15.026	0,00%	5.008	0	0,00%	65.123	0,00%
5.	Phùng Thị Ngọc Linh	Giám đốc Dịch vụ tài chính SSI/Em dâu của STT I.4	70.500	0,00%	9.500	0	0,00%	123.500	0,01%
6.	Nguyễn Thị Trâm Oanh	Mẹ chồng của STT I.5	4.239	0,00%	1.413	0	0,00%	18.370	0,00%
7.	Hoàng Thị Kim Thanh	Mẹ ruột của STT I.8	60.000	0,00%	20.000	0	0,00%	260.000	0,01%
Tổng II			**1.037.658**	**0,05%**	**331.885**	**0**	**0,01%**	**4.314.534**	**0,21%**
Tổng cộng I + II			**12.506.151**	**0,68%**	**1.249.044**	**5.335.007**	**0,35%**	**25.202.667**	**1,27%**

SSI SECURITIES CORPORATION

---o0o---

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

No: 2006/2024/CV-SSIHO

Ho Chi Minh City, November 21st, 2024

REPORT
ON RESULTS OF THE PUBLIC OFFERING

(Certificate of registration for public offering No. 122/GCN-UBCK dated August 28th, 2024 issued by the Chairman of the State Securities Commission)

"Certificate No. 122/GCN-UBCK"

To: State Securities Commission

A. WITH RESPECT TO THE ISSUER

I. About the Issuer

1. Name of the Issuer (full name): **SSI SECURITIES CORPORATION**
2. Abbreviation: SSI
3. Headquarters: 72 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
4. Tel: 028-38242897 Fax: 028-38242997 Website: www.ssi.com.vn
5. Charter capital: VND 18,129,500,510,000
6. Ticker: **SSI**
7. Payment account opened at: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development – Nam Ky Khoi Nghia Branch, District 1, Ho Chi Minh City

   Account number: 11910000380195
8. Enterprise Registration Certificate No. 0301955155 issued by Ho Chi Minh City Department of Planning and Investment with the first registration on April 5th, 2000, the 32nd registration for change on November 18th, 2024
9. License on securities business No. 03/GPHĐKD issued by the State Securities Commission on April 5th, 2000, and the latest amended by Amended License No. 79/GPĐC-UBCK dated October 31st, 2024

II. Plan on offering

1. Name of share: SSI Securities Corporation shares
2. Type of share: Ordinary shares
3. Quantity of offered shares:

   3.1. Quantity of shares registered to offer (According to the Certificate No. 122/GCN-UBCK): **151,113,013** shares, in which:

   - Quantity of shares the Issuer registered to offer: **151,113,013** shares
   - Quantity of shares the shareholders/owners/members registered to offer: 0 share

3.2. Quantity of treasury shares as at the record date for rights execution (September 24th, 2024): **1,991,468** shares, equivalent to the ratio of rights execution of 100:10 is **199,146** shares

3.3. Actual quantity of shares offered as at the record date for rights execution (September 24th, 2024): **150,913,867** shares, in which:

- Actual quantity of shares the Issuer offered: 150,913,867 shares;
- Actual quantity of shares the shareholders/owners/members offered: 0 share.

4. Offering price: **VND 15,000/share**.

5. Total estimated value of mobilized capital:

5.1. Total estimated value of mobilized capital based on quantity of shares registered to offer: VND **2,266,695,195,000**, in which:

- Mobilized capital value of the Issuer: VND 2,266,695,195,000;
- Mobilized capital value of the shareholders/owners/members: VND 0.

5.2. Total estimated value of mobilized capital based on actual quantity of offered shares: VND **2,263,708,005,000**, in which:

- Mobilized capital value of the Issuer: VND 2,263,708,005,000;
- Mobilized capital value of the shareholders/owners/members: VND 0.

6. Distribution method: by executing shareholders' subscription rights on record date to finalize the list of shareholders (September 24th, 2024)

7. Time to register for purchasing and payment:

7.1. Time to transfer subscription rights: **From October 7th, 2024 to October 24th, 2024**

7.2. Time to register for purchasing and payment:

- For existing shareholders with subscription rights: **From October 7th, 2024 to November 4th, 2024**
- For shareholders continued allocated shares not registered to purchase in the offering to existing shareholders: **From November 15th, 2024 to 12:00 on November 21st, 2024**

8. Ending date of the offering: **November 21st, 2024**

9. Expected date of share transfer: expected in November 2025 (after completing the registration and depository of additional securities at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and registering for additional listing of shares at the Ho Chi Minh City Stock Exchange)

III. Results of the public offering

Purchaser	Offering price (VND/ share)	Actual quantity of offered shares	Quantity of shares registered to purchase	Quantity of allocated shares	Quantity of investor registering to purchase	Quantity of investors allocated shares	Quantity of investors not allocated shares	Quantity of remaining shares	Ratio of allocated shares (**)
1	2	3	4	5	6	7	8= (6-7)	9=(3-5)	10
1. Public offering (Phase 1)	15,000	150,913,867	145,578,860	145,578,860	45,466	45,466	0	5,335,007	96.46%

Purchaser	Offering price (VND/ share)	Actual quantity of offered shares	Quantity of shares registered to purchase	Quantity of allocated shares	Quantity of investor registering to purchase	Quantity of investors allocated shares	Quantity of investors not allocated shares	Quantity of remaining shares	Ratio of allocated shares (**)
1	2	3	4	5	6	7	8= (6-7)	9=(3-5)	10
2. Handling the undistributed shares (Phase 2)	15,000	5,335,007	5,335,007	5,335,007	8	8 (*)	0	0	3.54%
Total		**150,913,867**	**150,913,867**	**150,913,867**	**45,467**	**45,467**	**0**	**0**	**100%**
1. Domestic investors		89,255,585	89,255,585	89,255,585	43,995	43,995	0	0	59.14%
2. Foreign investors, Economics entities with foreign investors holding more than 50% of charter capital		61,658,282	61,658,282	61,658,282	1,472	1,472	0	0	40.86%
Total		**150,913,867**	**150,913,867**	**150,913,867**	**45,467**	**45,467**	**0**	**0**	**100%**

(*) Among these 08 investors, 07 investors were allocated shares in Phase 1 (included in the 45,466 shareholders who were allocated shares) from the public offering, and 01 investor was allocated shares in Phase 2 (this investor had transferred 100% of subscription rights in Phase 1).

(**) Ratio of allocated shares (Column 10) = (Column 5)/ 150,913,867 shares (actual quantity of offered shares)

- In case of underwriting, state the results of share distribution to the underwriting organization as committed in the contract (quantity, price, in case of a syndicate, specify each organization): None
- In case of distributing the remaining shares to one or several specific investors *(details in the attached Appendix):*
  - Quantity of shares, offering ratio to each investor and their affiliated persons on charter capital in this offering and in offerings, issuances in the last 12 months;
  - The ownership ratio of each investor and their affiliated person after the offering.

IV. Summary of the results of the public offering

1. Total of allocated shares: **150,913,867** shares, equivalent to 100% of the actual total offered shares, in which:
   - Quantity of shares of the Issuer: 150,913,867 shares;
   - Quantity of shares of the shareholders/owners/members: 0 share.
2. Total proceeds from the offering: VND **2,263,708,005,000**, in which:
   - Total amount of the Issuer: VND 2,263,708,005,000;

- Total amount of the shareholders/owners/members: VND 0.

3. Total expenses: VND 106,966,634
   - Underwriting fee (if any): 0 VND
   - Share distribution fee (if any): 0 VND
   - Audit fee (estimated): 30,780,000 VND
   - Public offering licensing fee: VND 25,000,000
   - Fee for finalizing the list of shareholders executing the right to purchase offered shares: VND 14,000,000
   - Fee for transferring money from VSDC to the blocked account: VND 1,100,000
   - Other expenses: VND 36,086,634
4. Total net proceeds from the offering: VND **2,263,601,038,366**

V. Capital structure of the Issuer after the public offering

1. Capital structure

Total shares after the offering: **1,963,863,918** shares, in which:

- *Quantity of shares before the offering: 1,812,950,051 shares*
- *Quantity of shares offered with the subscription rights: 150,913,867 shares*

No.	Category	Quantity of shareholders	Quantity of owned shares	Value of owned shares at par value	Ownership ratio (%)
I	**Domestic, foreign shareholders**				
1	**Domestic investors**	**75,968**	**1,131,536,077**	**11,315,360,770,000**	**57.62%**
1.1	State	0	0	0	0.00%
1.2	Institutions	170	344,505,332	3,445,053,320,000	17.54%
1.3	Individuals	75,798	785,039,277	7,850,392,770,000	39.98%
1.4	Treasury shares (*)	0	1,991,468	19,914,680,000	0.10%
2	**Foreign shareholders**	**3,677**	**832,327,841**	**8,323,278,410,000**	**42.38%**
2.1	Foreign institutions, Economics entities with foreign institutions holding more than 50% of charter capital	171	801,971,863	8,019,718,630,000	40.83%
2.2	Individuals	3,506	30,355,978	303,559,780,000	1.55%
	Total I = 1 + 2	**79,645**	**1,963,863,918**	**19,638,639,180,000**	**100%**
II	**Founding shareholders, major shareholders, other shareholders**				
1	Founding shareholders	0	0	0	0

No.	Category	Quantity of shareholders	Quantity of owned shares	Value of owned shares at par value	Ownership ratio (%)
2	Major shareholders	2	465,368,255	4,653,682,550,000	23.70%
3	Shareholder holding less than 5% of voting shares	79,643	1,498,495,663	14,984,956,630,000	76.30%
	Total II = 1 + 2 + 3	79,645	1,963,863,918	19,638,639,180,000	100%

(*) Quantity of treasury shares as at the record date for rights execution (September 24th, 2024): 1,991,468 shares

2. List and ownership percentages of major shareholders

No.	Name of shareholder	ERC or other relevant documents/ID/Passport No.	Quantity of owned shares	Ownership ratio
1	DAIWA SECURITIES GROUP INC.	CS6098	301,259,263	15.34%
2	NDH Invest Company Limited	0104285751	164,108,992	8.36%
	Total		**465,368,255**	**23.70%**

(*) The ownership ratio calculated based on the total quantity of shares of the Company after the offering: 1,963,863,918 shares

VI. Attached documents

1. Confirmation Letter of the Bank where the blocked account is opened about purchasing amount form the offering dated November 21st, 2024;
2. Resolution No. 18/2024/NQ-HĐQT dated November 15th, 2024 of the SSI's Board of Directors approving the results of the rights execution and the continued distribution of shares not yet registered to purchase;
3. Resolution No. 19/2024/NQ-HĐQT dated November 21st, 2024 of the SSI's Board of Directors approving the results of additional shares offering for existing shareholders with subscription rights;
4. Other documents (if any).

SSI SECURITIES CORPORATION
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

NGUYEN DUY HUNG

APPENDIX

(Attached to the Report on the results of the public offering

No. 2006/2024/CV-SSIHO dated November 21st, 2024 of SSI Securities Corporation)

The list of investors allocated the remaining shares and their affiliated persons as follows:

No.	Full name	Position at SSI/ Relationship with the investor allocated the remaining shares	Offerings and issuances in the past 12 months (including the quantity of shares in this offering)		This offering			After the offering	
			Quantity of offered shares	Ratio of shares on charter capital (equivalent to 1,812,950,051 shares)	Quantity of shares offered in Phase 1	Quantity of shares offered in Phase 2	Ratio of shares on charter capital (equivalent to 1,812,950,051 shares)	Quantity of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (equivalent to 1,963,863,918 shares)
I. Investors allocated the remaining shares									
1.	Nguyen Duc Thong	Deputy Chief Executive Officer	840,000	0.05%	80,000	300,000	0.02%	1,340,000	0.07%
2.	Nguyen Vu Thuy Huong	Senior Managing Director - Treasury & Principal Investment	3,149,321	0.17%	407,440	1,000,000	0.08%	6,296,726	0.32%
3.	Nguyen Ngoc Anh	Chief Executive Officer (CEO) of SSI Asset Management Ltd.	2,205,006	0.12%	185,002	1,000,000	0.07%	3,405,027	0.17%

No.	Full name	Position at SSI/ Relationship with the investor allocated the remaining shares	Offerings and issuances in the past 12 months (including the quantity of shares in this offering)		This offering			After the offering	
			Quantity of offered shares	Ratio of shares on charter capital (equivalent to 1,812,950,051 shares)	Quantity of shares offered in Phase 1	Quantity of shares offered in Phase 2	Ratio of shares on charter capital (equivalent to 1,812,950,051 shares)	Quantity of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (equivalent to 1,963,863,918 shares)
4.	Nguyen Thi Thanh Ha	Chief Financial Officer	1,205,007	0.07%	0	300,000	0.02%	3,930,043	0.20%
5.	Le Thi Le Hang	Chief Strategy Officer	1,563,652	0.09%	121,217	850,000	0.05%	2,425,830	0.12%
6.	Bui The Tan	Chief Retail Officer	1,117,500	0.06%	82,500	850,000	0.05%	1,922,500	0.10%
7.	Thomas Nguyen	Chief Global Markets Officer	395,000	0.02%	15,000	200,000	0.01%	395,000	0.02%
8.	Mai Hoang Khanh Minh	Managing Director – Institutional Brokerage	993,007	0.05%	26,000	835,007	0.05%	1,173,007	0.06%
Total I			**11,468,493**	**0.63%**	**917,159**	**5,335,007**	**0.34%**	**20,888,133**	**1.06%**
II. Affiliated persons of Investor allocated the remaining shares									
1.	Vu Thi Hien	Mother of No. I.2	102,480	0.01%	34,160	0	0.00%	444,080	0.02%
2.	Pham Hai Long	Husband of No. I.2	900	0.00%	300	0	0.00%	3,900	0.00%
3.	Tran Thi Ngoc Tram	Mother of No. I.3	784,513	0.04%	261,504	0	0.01%	3,399,561	0.17%

No.	Full name	Position at SSI/ Relationship with the investor allocated the remaining shares	Offerings and issuances in the past 12 months (including the quantity of shares in this offering)		This offering			After the offering	
			Quantity of offered shares	Ratio of shares on charter capital (equivalent to 1,812,950,051 shares)	Quantity of shares offered in Phase 1	Quantity of shares offered in Phase 2	Ratio of shares on charter capital (equivalent to 1,812,950,051 shares)	Quantity of owned shares	Ownership ratio on charter capital after the offering (equivalent to 1,963,863,918 shares)
4.	Nguyen Thi Minh Ngoc	Sister of No. I.3	15,026	0.00%	5,008	0	0.00%	65,123	0.00%
5.	Phung Thi Ngoc Linh	Director of Financial Services at SSI/Sister-in-law of No. I.4	70,500	0.00%	9,500	0	0.00%	123,500	0.01%
6.	Nguyen Thi Tram Oanh	Mother-in-law of No. I.5	4,239	0.00%	1,413	0	0.00%	18,370	0.00%
7.	Hoang Thi Kim Thanh	Mother of No. I.8	60,000	0.00%	20,000	0	0.00%	260,000	0.01%
Total II			**1,037,658**	**0.05%**	**331,885**	**0**	**0.01%**	**4,314,534**	**0.21%**
Total of I + II			**12,506,151**	**0.68%**	**1,249,044**	**5,335,007**	**0.35%**	**25,202,667**	**1.27%**